

**TÒA ÁN N DÂN
HUYỆN CẦU KÈ
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA V NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2022/DS - ST
Ngày: 04 - 8 - 2022
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản và thực hiện nghĩa vụ
do người chết để lại.

**N DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA V NAM
TÒA ÁN N DÂN HUYỆN CẦU KÈ, TỈNH TRÀ VINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Ai.

- Các Hội thẩm N dân:

Bà Trần Thị T1 Phụng

Ông Đỗ Thành Tiết

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Đức Trọn, Thư ký Tòa án N dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát N dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Thân - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án N dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 103/2021/TLST-DS, ngày 12 tháng 4 năm 2021 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2022/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 6 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2022/QĐST-DS ngày 22 tháng 7 năm 2022, giữa:

- Nguyên đơn:

1. Bà Trần Thị P, sinh năm 1959;

2. Chị Phạm Thị Ngọc H, sinh năm 1990;

3. Anh Phạm Văn T, sinh năm 1992 (có mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị P và chị Phạm Thị Ngọc H là anh Phạm Văn T, sinh năm 1992. Địa chỉ: Ấp T, xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh (theo văn bản ủy quyền ngày 24/6/2021).

- Bị đơn:

1. Bà Mai Thị V, sinh năm 1960 (vắng mặt);

2. Ông Nguyễn Thanh N, sinh năm 1979 (có đơn xin xét xử vắng mặt);
3. Bà Nguyễn Thị Thanh T1, sinh năm 1981 (có đơn xin xét xử vắng mặt);
4. Ông Nguyễn Tấn P1, sinh năm 1987 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

5. Bà Nguyễn Thị Mộng T3, sinh năm 1986 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp A, thị trấn A, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Ngân hàng thương mại Cổ phần B (có đơn xin xét xử vắng mặt);

Trụ sở chính: Tòa nhà Capital Tower, số 109 đường Trần Hưng Đạo, Phường Cửa Nam, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Doãn S - Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thanh P - Chức vụ: Giám đốc chi nhánh tỉnh Trà Vinh (theo Quyết định 337/2020/QĐ-HĐQT ngày 23/4/2020 của Chủ tịch HĐQT Ngân hàng thương mại cổ phần B).

Địa chỉ: Số A, đường N, khóm 6, phường 7, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn, anh Phạm Văn T trình bày: Vào ngày 08 tháng 6 năm 2018 vợ chồng ông Nguyễn Văn S và bà Mai Thị V có vay có ông Phạm Văn M số tiền là 30.000.000 đồng, thỏa T3ận đến ngày 08/6/2019 sẽ trả số nợ vay trên, khi cho vay có làm biên nhận, có ông S và bà V lẫn tay. Tại phiên tòa hôm nay anh T xác định lúc còn sống cha của anh là ông M chỉ cho một mình ông S vay số tiền trên nên không yêu cầu Tòa án giám định dấu vân tay trong tờ biên nhận. Ngày 02/02/2019 ông M chết; ngày 06/3/2020 ông S chết. Trước khi ông S chết thì ông S chưa trả cho ông M số tiền vay nêu trên, sau khi ông S chết thì anh có đến yêu cầu vợ và các con ruột của ông S là bà Mai Thị V, ông Nguyễn Thanh N, bà Nguyễn Thị Thanh T1, bà Nguyễn Thị Mộng T3 và ông Nguyễn Tấn P1 trả số nợ trên nhưng họ không chịu trả.

Nay cả ông S và ông M đều đã chết nên nguyên đơn gồm bà Trần Thị P (là vợ của ông M), anh và chị Phạm Thị Ngọc H (là con ruột của ông M) yêu cầu vợ và các con của ông S gồm bà V, ông N, bà T1, bà T3 và ông P1 cùng có trách nhiệm trả cho bà P, anh T và chị H số tiền nợ vay là 30.000.000 đồng (do ông S vay của ông M lúc còn sống) và không yêu cầu trả lãi.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà Trần Thị P, chị Phạm Thị Ngọc H là anh Phạm Văn T trình bày: Anh T thống nhất với lời trình bày trên của anh và không có bổ sung gì thêm.

Bị đơn bà Mai Thị V vắng mặt và có lời khai như sau: Bà là vợ của ông Nguyễn Văn S, bà không có cùng ông S vay số tiền 30.000.000 đồng của ông Phạm Văn M như nguyên đơn trình bày, bà cũng không có lẫn tay vào biên nhận nợ gì cả và cũng không yêu cầu Tòa án giám định dấu vân tay của bà. Tuy nhiên, bà thừa nhận số nợ 30.000.000 đồng nêu trên do chồng của bà là ông S lúc còn sống có vay của ông M nhưng chưa trả được là do hoàn cảnh gia đình gặp khó khăn, đến năm 2020 thì ông S đã chết. Đồng thời, bà thừa nhận ông S có đứng tên quyền sử dụng các thửa đất gồm: Thửa 434, diện tích 1.360m²; thửa 435, diện tích 1.420m²; thửa 450, diện tích 2.300m² và thửa 630, diện tích 3.180m², tờ bản đồ số 01, loại đất cây lâu năm, tọa lạc ấp T, xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Trong các thửa đất trên, ông S đã cho các con ruột gồm cho Nguyễn Thanh N thửa 450; cho Nguyễn Thị Thanh T1 thửa 434; còn lại hai thửa 435 và 630 cho Nguyễn Thị Mộng T3 và Nguyễn Tấn P1 mỗi đứa một công, phần còn lại dùng để dưỡng già nhưng việc ông S cho đất các con chỉ nói miệng chưa tách thửa cho người nào mà ông S vẫn còn đứng tên quyền sử dụng đất. Tuy nhiên, các thửa đất trên lúc ông S còn sống đã thế chấp vay tiền tại Ngân hàng thương mại cổ phần B và chưa trả nợ cho Ngân hàng xong.

Nay bà thống nhất cùng các con gồm: N, T1, T3 và P1 thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn gồm bà P, T và H số tiền do ông S vay của ông M lúc còn sống là 30.000.000 đồng nhưng bà và các con của bà chỉ thực hiện nghĩa vụ trả nợ trong phạm vi di sản của ông S chết để lại.

Bị đơn ông Nguyễn Thanh N có đơn xin xét xử vắng mặt và có lời khai như sau: Ông là con ruột của ông Nguyễn Văn S và bà Mai Thị V, lúc ông S còn sống, ông S có vay tiền của ông M hay không thì ông không biết nhưng bà V đã thừa nhận số nợ của cha ông thì ông thống nhất lúc còn sống, cha ông là ông S có vay của ông M số tiền là 30.000.000 đồng chưa trả. Đồng thời, ông N thừa nhận cha ông có đứng tên các thửa đất như đã nêu trên. Riêng thửa thửa 450, diện tích 2.300m² thì ông được cha ông cho canh tác đã 22 năm nhưng chưa làm giấy sang tên chỉ nói miệng. Nay ông N thống nhất cùng mẹ là bà V thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn bà P, T và H trong phạm vi di sản của ông S chết để lại nhưng trừ đi hai thửa 434 và 450.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh T1 có đơn xin xét xử vắng mặt và có lời khai như sau: Bà là con ruột của ông Nguyễn Văn S và bà Mai Thị V, lúc ông S còn sống, ông S có vay tiền của ông M hay không thì bà không biết. Bà cũng thống nhất các thửa đất nêu trên là của ông S đứng tên quyền sử dụng đất nhưng đều đã thế chấp vay tiền tại Ngân hàng thương mại cổ phần B chưa trả. Tuy nhiên, trong các thửa đất trên có thửa 434, diện tích 1.360m² bà được ông S cho 22 năm rồi

nhưng chưa làm giấy sang tên quyền sử dụng đất. Tuy nhiên, bà thống nhất theo ý kiến của mẹ là bà V là đồng ý cùng bà V trả nợ 30.000.000 đồng cho nguyên đơn bà P, T và H trong phạm vi di sản của ông S chết để lại trừ thừa 434, 450, phần diện tích T3 và P1 được cho một phần trong thừa 435 và thừa 650; phần còn lại trả cho Ngân hàng và trả cho ông M.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Mộng T3 vắng mặt và có lời khai như sau: Bà là con ruột của ông Nguyễn Văn S và bà Mai Thị V, cha mẹ của bà có thiếu nợ ông M hay không thì bà không biết nên bà không đồng ý theo yêu cầu của nguyên đơn bà P, T và H.

Bị đơn ông Nguyễn Tấn P1 vắng mặt và có lời khai như sau: Ông là con ruột của ông Nguyễn Văn S và bà Mai Thị V, cha mẹ của ông có thiếu nợ ông M hay không thì ông không biết nên ông không đồng ý theo yêu cầu của nguyên đơn bà P, T và H.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng thương mại cổ phần B - Chi nhánh tỉnh Trà Vinh - Phòng giao dịch huyện C có đơn xin vắng mặt và có lời khai như sau: Các thửa đất nêu trên đã được thế chấp vay tiền tại Ngân hàng, theo HĐTD861201748 ngày 23/8/2017 giữa bà Mai Thị V, ông Nguyễn Văn S với Ngân hàng là đúng quy định pháp luật và đang được thi hành án tại Cơ quan Chi cục thi hành án dân sự huyện Cầu Kè.

Tại phiên tòa Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Kè trình bày quan điểm giải quyết vụ án:

Về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội thẩm, Thư ký từ khi thụ lý giải quyết vụ án đến phiên tòa xét xử hôm nay đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng. Các đương sự đã thực hiện đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn bà V, bà T3 và ông P1 đã không thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình.

Về nội dung vụ án: Sau khi tóm tắt nội dung vụ án và phân tích các quy định về áp dụng pháp luật, Vị kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 463, 466 và Điều 615 của Bộ luật dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà P, anh T và chị H; buộc bị đơn bà V, ông N, bà T1, bà T3 và ông P1 phải thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại là có trách nhiệm trả nợ cho nguyên đơn bà P, anh T và chị H với số tiền nợ vay là 30.000.000 đồng, thực hiện trả nợ trong phạm vi di sản do ông S chết để lại. Ngoài ra, Vị kiểm sát viên còn đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết về án phí, lệ phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà P, anh T và chị H yêu cầu bị đơn bà V, ông N, bà T1, bà T3 và ông P1 trả số tiền nợ vay là 30.000.000 đồng do ông S (là chồng của bà V, là cha ruột của ông N, bà T1, bà T3 và ông P1) đã vay của ông M lúc còn sống. Căn cứ vào Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp của vụ án là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại”.

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn bà V, ông N, bà T1 và ông P1 có hộ khẩu thường trú tại huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh; Tuy bà T3 có nơi cư trú ấp An Ninh 2, thị trấn An Lạc Thôn, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng nhưng bà T3 cùng với những người thân phải thực hiện nghĩa vụ do ông S chết để lại nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh theo quy định tại các Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Nguyên đơn bà P, anh T và chị H khởi kiện yêu cầu bị đơn bà V, bà T1, bà T3, ông N và ông P1 thực hiện nghĩa vụ do ông S chết để lại là phải trả cho nguyên đơn bà P, anh T và chị H số tiền là 30.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ; nhận thấy, lúc ông M còn sống có cho ông S vay số tiền 30.000.000 đồng đến nay chưa trả là có thật. Bởi vì, bà V là vợ ông S thừa nhận lúc ông S còn sống có vay tiền của ông M nhưng vì hoàn cảnh kinh tế gặp khó khăn đến nay ông S đã chết nhưng vẫn chưa trả được nợ. Nay bà V đồng ý cùng các con N, T1, T3 và P1 trả nợ cho vợ và con của ông M trong phạm vi di sản do ông S chết để lại. Cùng ý kiến với bà V còn có ông N và bà T1 cũng thừa nhận lúc ông S còn sống có vay tiền của ông M nhưng chưa trả và đồng ý cùng bà V trả số nợ trên cho nguyên đơn.

[4] Đối với bà T3 và ông P1 thì không biết ông S có vay tiền của ông M số tiền như đã nêu trên hay không nên không đồng ý trả nợ. Xét thấy, việc bà T3 và ông P1 không đồng ý cùng bà V thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ông S là không có căn cứ. Bởi lẽ, số nợ này lúc ông M còn sống có cho ông S vay, việc này được bà V thừa nhận và đồng ý cùng các con gồm T1, N, T3 và P1 trả cho nguyên đơn với số tiền 30.000.000 đồng. Nay cả ông M và ông S đều đã chết nhưng ông S chưa trả được nợ cho ông M nên hàng thừa kế thứ nhất của ông S hiện nay gồm: Bà V, ông

N, bà T1, bà T3 và ông P1 phải cùng có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn bà P, anh T và chị H là phù hợp theo quy định tại Điều 615 của Bộ luật dân sự.

[5] Tòa án cũng đã T3 thập thông tin về tài sản của ông S có các thửa đất do Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Trà Vinh - Chi nhánh huyện Cầu Kè cung cấp ngày 05/10/2021 như sau: Thửa 434, diện tích 1.360m²; thửa 435, diện tích 1.420m²; thửa 450, diện tích 2.300m² và thửa 630, diện tích 3.180m², tờ bản đồ số 01, loại đất cây lâu năm, tọa lạc ấp T, xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh do ông Nguyễn Văn S đứng tên quyền sử dụng đất và hiện đang thế chấp tại Ngân hàng thương mại cổ phần B - Chi nhánh tỉnh Trà Vinh - Phòng giao dịch huyện C (gọi tắt là Ngân hàng). Đồng thời, đại diện Ngân hàng cũng cho biết số tài sản trên đã được ông S thế chấp vay tiền tại Ngân hàng theo hợp đồng tín dụng số HDTD861201748 ngày 23/8/2017 và phải ưu tiên phát mãi số tài sản này của ông S để thanh toán số tiền nợ vay cho Ngân hàng theo đúng quy định pháp luật. Bà V, ông N và bà T1 cho rằng, tổng số đất nêu trên ông S đã chia phần cho từng người con nhưng chưa sang tên và chỉ đồng ý thực hiện nghĩa vụ trả nợ trong một phần tài sản của ông S. Xét thấy, trong vụ án này Tòa án đã thụ lý vụ án với quan hệ pháp luật là *“Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại”* và Tòa án cũng đã thu thập chứng cứ chứng minh là ông S có tài sản như đã nêu trên và Tòa án không giải quyết quan hệ pháp luật khác trong vụ án này. Mặc khác, toàn bộ các thửa đất nêu trên đã được thế chấp vay tiền tại Ngân hàng, do ông S vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng khởi kiện và được Tòa án giải quyết tranh chấp xong theo Bản án số 10/2021/DS ngày 29/4/2021. Do đó, trong phạm vi vụ kiện này bị đơn có nghĩa vụ trả số tiền nợ vay trên cho nguyên đơn trong phạm vi di sản của ông S chết để lại.

[6] Từ những chứng cứ nêu trên có đủ cơ sở để khẳng định ông S có vay tiền của ông M số tiền là 30.000.000 đồng nhưng chưa trả. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà P, anh T và chị H, buộc bị đơn bà V, ông N, bà T1, bà T3 và ông P1 có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền 30.000.000 đồng, trong phạm vi di sản của ông S chết để lại. Nguyên đơn không yêu cầu tính lãi nên không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xét thấy, bà Mai Thị V là người cao tuổi và có đơn xin miễn nộp tiền án phí và được chấp nhận nên bà V được miễn án phí theo quy định của pháp luật. Buộc bị đơn gồm ông N, bà T1, bà T3 và ông P1 phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

[8] Về quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Kè là có căn cứ và đúng pháp luật nên được chấp nhận.

[9] Các đương sự được quyền kháng cáo Bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 161; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 357; 440; 463; 466; 468 và Điều 615 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị P, anh Phạm Văn T và chị Phạm Thị Ngọc H.

Buộc bị đơn bà Mai Thị V, ông Nguyễn Thanh N, bà Nguyễn Thị Thanh T1, bà Nguyễn Thị Mộng T3 và ông Nguyễn Tấn P1 phải có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ trả cho nguyên đơn bà Trần Thị P, anh Phạm Văn T và chị Phạm Thị Ngọc H tổng số tiền nợ vay là 30.000.000 đồng trong phạm vi di sản do ông Nguyễn Văn S chết để lại.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bị đơn gồm ông Nguyễn Thanh N, bà Nguyễn Thị Thanh T1, bà Nguyễn Thị Mộng T3 và ông Nguyễn Tấn P1 cùng chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 1.200.000 đồng. Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà Mai Thị V.

Nguyên đơn bà Trần Thị P, anh Phạm Văn T và chị Phạm Thị Ngọc H không phải chịu án phí, hoàn trả lại cho nguyên đơn bà Trần Thị P, anh Phạm Văn T và chị Phạm Thị Ngọc H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 750.000 đồng theo biên lai T3 tiền số: 0005008 ngày 18/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cầu Kè.

4. Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt thời hạn trên được tính từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa T3ận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Cầu Kè;
- Chi cục THADS huyện Cầu Kè;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Mỹ Ai